ở đó là QUÊHƯƠNG

TRẦN BANG THẠCH

viết cho Ali, người chiến sĩ Afghanistan của tôi

Trước khi vào truyện:

Mấy ngày nay Afghanistan lại nổi sóng!

Tình hình thế giới, ngay cả ở đất nước Hoa Kỳ, nơi tạm dung của mình hơn bốn thập niên qua, đã có quá nhiều biến động; nghe và đọc thôi cũng đã chóng mặt. Huống chi người cao tuổi có lẽ cũng chỉ muốn đầu óc mình đã quá tải rồi, chỉ muốn thôi không nhồi nhét chuyện gì thêm nữa. Vậy mà giờ đây mình bỗng nghĩ tới bạn Ali, con dân của xứ Afghanistan, người trong một thời gian dài đã cùng mình xẻ chia tâm sự nhớ nước vào những buổi chiều đứng trên bờ sông Houston Ship Channel vài chục năm qua.

Ali và mình đã rời bờ sông đó hơn chục năm rồi, cả hai chưa hề trở lại. Vậy mà tình hình bây giờ ở xứ Afghanistan làm mình chợt nhớ tới Ali và lo cho anh quá. Ngày trước anh đã bỏ hết những gì an bình, no ấm ở đây để trở về chống lại bọn khát máu Taliban. Dân anh đã thành công trong cuộc chiến nầy. Để rồi, than ôi, bây giờ thì mọi chuyện trở về chỗ cũ ! Nếu may mắn Ali còn sống đến giờ nầy thì anh sẽ ra sao? Hay người lão niên nầy lại phải cầm lên vũ khí chống cái ác như thời thanh niên nhiều năm trước?

Đầu óc mình bắt đầu rối quá rồi nhưng vẫn còn nghĩ được một điều ước: Mình sẽ nhận được lời nhắn của Ali hẹn gặp lại mình trên bến sông Houston Ship Channel mỗi chiều như trước đây để hai lão già thất quốc cùng gởi những miếng nhớ nước về quê nhà đã mất!

Bình an, Ali nhé! Mong gặp lại.

Houston, Sept 1, 2021

oOo

Con sông có tên là Houston Ship Channel, bắt đầu từ biển Galveston, chảy ngoằn ngoèo hơn sáu mươi dặm trong vùng thưa thớt dân cư ở phía đông nam thành phố Houston, rồi dừng lại trước khu công viên Hildago trên đường J.W. Peavy. Càng xa cửa biển dòng nước càng dơ, phần lớn vì rác rưởi hai bên bờ chảy xuống lòng sông sau những cơn mưa lớn; cũng có thể do những chất thải từ đất ngầm phát nguồn từ các khu công kỹ nghệ nằm dọc hai bờ sông. Vì vậy dù lòng sông có rất nhiều cá đủ loại, kể cả cá sấu con, Ship Channel không phải là nơi để người ta câu hay ngoạn

cảnh. Tàu bè từ các nước khác hay các tiểu bang khác đều phải dùng con sông nầy để vào thành phố. Có những chiếc tàu hàng dài cả mấy trăm thước, cao to như nhà lầu cả chục tầng. Những chiếc xà lan dềnh dàng, khẳm lừ chuyên chở mọi thứ từ cát đá, xe cộ, gỗ sắt đến dầu mỡ, phân bón…Vào những ngày cuối tuần thỉnh thoảng cũng có những tàu nhỏ được trang bị và sơn phết như những du thuyền chở khách từ phương xa muốn nhìn cảnh lạ. Trông những chiếc thuyền nầy như những tiểu thơ môi son má phấn, ăn vận lòe loẹt đi lạc vào xóm dân lao động. Đoạn cuối của sông nằm giữa những cơ sở công kỹ nghệ, những bồn chứa nguyên liệu vĩ đại, những kho hàng…Dưới bến là những bến đậu, những docks, để tàu bè dừng lại bốc, dở hàng.

Nơi tôi làm việc là một công ty hóa chất nằm trên khúc sông nầy. Vì công việc, có khi tôi phải có mặt trên dock cả ngày, có khi cả đêm, thời giờ thì nhiều nhưng nhiệm vụ rất nhàn nhã, gọi là dock watch. Cũng vì vậy mà tôi mới có dịp gặp và trò chuyện với anh. Tên anh thì dài và khó nhớ lắm, nhưng anh bảo hãy gọi anh là Ali cho tiện.

Có thể anh Ali đã có mặt tại đây trước tôi cũng nên. Tôi vào làm việc cho hãng nầy từ đầu thập niên tám mươi, nhưng tôi chỉ thật sự để ý và làm quen với anh gần 1 năm sau đó. Điều tôi để ý đến anh là sự có mặt của anh trên bến sông vào mỗi hoàng hôn. Bốn mùa thời tiết trong năm có thay đổi và dù nắng hay mưa, dù lạnh hay nóng thì anh Ali vẫn đứng đó, ở một chỗ và ở một thời điểm gần như cố định. Anh đứng một mình, cạnh một tảng đá to trên mé nước, không dù, không mũ, thường là khoanh hai tay trước ngực, mồm cứ lẩm bẩm những lời không ai nghe được. Chắc vì vậy mà vài người coi anh Ali nếu không điên thì cũng khật khùng. Trước mặt anh là con sông với những tàu bè đậu hai bên bến, sau lưng là hàng trăm toa xe lửa đen ngòm như những ống đồng đen khổng lồ nằm im lìm trên đường sắt. Sau nầy khi chuyện trò với anh Ali tôi mới biết mỗi chiều anh mang tâm sự mình ra bến sông để gởi cho những con tàu hay những toa xe mang về quê hương anh ở tận bên xứ Afghanistan xa xôi. Anh nói mỗi ngày anh đến đây để nhìn những con tàu trên sông và nhìn những toa xe trên đường sắt như một cách nhìn về quê hương, rồi gởi đi một miếng tâm sự, gởi đều đặn như vậy chắc cả đời cũng không gởi hết! Nghe anh nói mà tôi phải giật mình, vừa thương anh Ali, vừa tự giận mình: Tôi cũng là người ly xứ, tâm sự của tôi còn đầy ắp đây vậy mà tôi chưa biết bắt đầu gởi về quê hương tôi một miếng nào. Chính tôi, những năm đầu xa nhà, tại sở làm hằng ngày, khi trông thấy các chiếc tàu đến từ khắp nơi trên thế giới và các toa xe lửa dài ngút mắt, tôi càng nhớ nhà nhiều hơn. Tàu, xe lửa đấy mà sao tôi vẫn chưa thể đường hoàng làm một chuyến hồi hương! Nhiều lần những hồi còi tàu rúc giữa đêm làm tôi tỉnh ngủ để thấy mình không phải đứng trên bến tàu quận lỵ quê nhà, mà chỉ thấy tôi một thân, một bóng trên bãi khuya im vắng. Tôi thấy mình ngơ ngác trong tiếng rào rạo của bánh sắt và tiếng xình xịt của đầu máy xe lửa, và thấy mình bơ vơ giữa hàng chục tuyến đường rầy nằm chằn chịt như những sợi dây thừng sơn hắc ín. Thuở ấy bước xuống ghe, tàu để ra khơi là coi như vĩnh viễn xa lìa quê cha đất tổ; là tự nguyện chết trên biển lạ hay gởi xác tại quê người. Không có một chọn lựa nào khác ngoài chọn lựa

làm người. Chúng tôi không được phép trở về. Cũng không muốn trở về nhìn từng cây cột đèn lặng lẽ vượt biên! Cho nên khi chuyện trò nhiều với anh Ali tôi thấy chúng tôi có cùng chung tâm sự. Tình trạng đất nước của chúng tôi thật là giống nhau, cùng có những nghiệt oan của lịch sử như nhau: Hết chiến tranh chống ngoại bang rồi đến chiến tranh giữa mình với ta. Đất nước thêm rách nát, thêm nghèo đói và lắm hận thù. Hình như cả hai chúng tôi đều mong chờ một phép lạ. Chúng tôi thèm được bước xuống một trong những con tàu dưới bến sông hay ngồi trong một toa xe lửa để được về thăm một quê nhà hoàn toàn đổi mới sau một phép lạ tuyệt vời. Có khi chúng tôi ước ao nếu quê hương mình vẫn còn mạt vận thì xin một buổi sáng đẹp trời nào đó, dọc hai bên bờ của cái Ship Channel này, hàng trăm những con kình ngư bằng sắt hay hàng ngàn những toa xe bất chợt lần lượt đổ bến, rồi hàng ngàn, hàng ngàn đồng bào chúng tôi chạy tuôn ra từ các bến cảng hay từ các toa xe còn đầy cát bụi đường xa. Chúng tôi sẽ đứng đó mà dang hai tay đón từng người. Hai dân tộc chúng tôi cần những chiếc thuyền khổng lồ của ông Noé để đưa họ thoát cơn đại hồng thủy của những thập niên cuối thế kỷ 20 nầy. Những năm đầu của thập niên tám mươi đó ước mơ của chúng tôi thật quá xa vời. Chúng tôi vẫn không có đường về. Còn anh Ali cùng với những đồng chí với anh thì hoàn toàn bị chánh quyền đương thời cấm không cho phép trở về. Chuyện của anh Ali và đất nước của anh thì dài lắm. Nhờ những buổi chiều hôm chỉ có tôi và anh trên bến sông mà tôi được anh kể cho nghe thật nhiều chuyện về một đất nước có hơn 2500 năm lịch sử nằm trong vùng Tây Nam Á nầy. Anh nói đất nước anh là một cô gái trời bắt xấu, đã xấu xí mà lại nghèo nàn ngu dốt và sinh bất phùng thời, diện tích gần bằng tiểu bang Texas nầy nhưng chỉ có núi là núi, hơn hai mươi triệu dân sống chen chúc ở các thỏi đồng bằng nằm e dè dưới chân núi. Tại đất nước anh, đi tìm một vùng thảo nguyên còn khó hơn đi tìm một mỏ than đá. Các thời ngoại xâm thì toàn dân đoàn kết đánh giặc, nhưng những khi hiếm hoi đất nước được tự chủ thì những sắc dân trong nước đánh nhau tận lực. Vì vậy mà nước Afghanistan lúc nào cũng là bãi chiến trường. Anh Ali nói anh đã được sanh ra và sống dưới thời vua Zahir Shad để thấy thường xuyên những cuộc nội chiến. Các tộc trưởng biến thành những sứ quân tranh giành vùng ảnh hưởng. Các vua quan tranh giành ngôi vị. Sau 40 năm trị vì, năm 1973 vua Shad bị hoàng thân Mohammad Daud lật đổ phải lưu vong sang Ý. Số phận anh Ali và rất nhiều bạn đồng chí hướng với anh hình như cũng gắn liền với hoàng thân Daud. Thuở ấy là đầu thập niên 70, anh Ali và các bạn là những thanh niên nam nữ rời ngưỡng cửa đại học. Họ còn rất trẻ và đầy lòng nhiệt huyết để làm những gì tốt đẹp cho tổ quốc. Họ không thể ngồi yên để thấy đồng bào họ giết nhau, không thể khoanh tay nhìn đồng bào họ càng ngày càng cơ cực, nghèo đói, lạc hậu. Hàng ngàn những người trẻ tuổi nầy tán đồng chế độ cộng hòa vừa được thiết lập và chủ trương thoát dần ra khỏi ảnh hưởng của Liên bang Sô Viết của lãnh tụ Daud, nên họ rất tích cực trong các hoạt động yễm trợ chánh quyền Daud. Chính vì vậy mà sau cuộc cách mạng đẫm máu do phe cộng sản lãnh đạo hồi năm 1978 lật đổ và sát hại Tổng Thống Daud thì anh Ali và một số bạn phải sống lưu vong tại các nước

khác; đa số còn lại thì lẩn trốn trong các bô tộc hay tham gia các lực lượng kháng chiến. Anh Ali phải tá túc trong tòa đại sứ Mỹ cả năm trời, và chỉ được cho vào nước Mỹ sau khi đại sứ Mỹ bị giết hồi năm 1979 tại Kabul. Còn nàng Faraya, người yêu cũng là người đồng chí của anh thì quyết định ở lại để đứng trên đất đá quê mình tiếp tục chiến đấu. Kể từ đó chiến tranh không ngừng trên đất nước nghèo khó nầy. Hết Taraki rồi đến Hafizullah Amin, đến Babrak Karmal, rồi Dr.Nakubulla đều là những tổng thống tay sai của Liên bang Sô Viết. Những người lưu vong như anh Ali bị cấm về nước, mà họ cũng không dám và không muốn về dù cho chánh quyền cộng sản của Nakubulla bị lật đổ năm 1992. Đến khi phe Taliban nắm trọn quyền hành từ tháng 9 năm 1996 thì đất nước tuy có chủ quyền nhưng rơi vào tay những kẻ độc tài, độc tôn và độc hại. Những cuộc tắm máu từ đó xảy ra thường xuyên hơn và dữ dội hơn.

Cùng với cái gọi là biến cố Taliban vào năm này thì trên bến tàu của chúng tôi cũng có một biến cố nhỏ: Người trung niên Afghanistan tên là Ali bỗng nhiên vắng bóng. Kể cũng lạ, cả mười lăm năm nay anh Ali đã có mặt thường xuyên mỗi chiều trên bến sông này mà nhiều người làm việc ở đây không hề để ý, đến khi anh Ali vắng chỉ có vài hôm thì trăm người như một đều có một câu hỏi giống nhau: Người đàn ông mất trí trên bến sông đã đi đâu mất rồi? Người ta chỉ thắc mắc qua loa vậy thôi chớ chẳng ai hiểu được từ bến sông này, từ những con tàu vô hồn kia, người vong quốc tội nghiệp vủa tôi đã mỗi chiều nhướn mắt thật to, trải lòng mình thật rộng để nhìn về một cố xứ mỗi ngày thêm tang thương. Có một lần anh nói anh không còn lòng dạ nào hòa nhập vào cuộc sống xô bồ vật chất đủ đầy ở đây trong khi đồng bào anh từng ngày chết thảm vì chiến tranh, vì bị chánh quyền bức hại, vì thiên tai, vì nghèo đói. Tôi cũng không biết anh bạn đồng bịnh của tôi đi đâu. Đi đâu thì đi, cơn bịnh nhớ nước chắc cũng phải đi cùng anh. Còn đất nước tôi thì chiến tranh đã chấm dứt gần một phần tư thế kỷ mà tang thương vẫn là tang thương. Sau một thời gian khá dài sống đầy đủ ở xứ người, quá xa và quá rời với tổ quốc, đồng hương của tôi đã có thêm nhiều người tự chữa khỏi cơn bịnh thất quốc trong khi đất nước thì tuy còn đó mà coi như đã thuộc về sở hữu của một nhóm người. Cho nên thiếu anh Ali trên bến sông tôi thấy mình đã để lạc một bạn đồng hành và tôi như thấy thiếu một tiếng quốc đoài đoạn kêu thương giữa một đất trời xa lạ.

Không biết tiếng quốc đó đã xiêu lạc hà phương?

Phải đợi đến gần 6 tháng sau tôi mới biết anh Ali đã bỏ lại tiếng quốc kêu thương của anh tại xứ sở tạm dung này. Hồi tháng Tư năm 1997 tôi đã vô cùng ngạc nhiên khi nhận lá thư đầu tiên của anh Ali viết từ một vùng núi rừng phía Bắc Afghanistan. Lá thư đã được một người nào đó cầm tay qua Mỹ, rồi gởi đến tôi qua đường bưu điện. Lá thư thật dài viết bằng tiếng Mỹ, giấy đã úa vàng. Thì ra người thất quốc tên Ali của tôi năm sáu tháng trước đã trở lại quê nhà để lấy lại nước. Anh nói anh đã tiêu phí mười mấy năm chỉ để đứng đó mà nhìn về quê hương khốn khó; thật chẳng ích lợi gì, trong lúc bạn bè anh từng ngày, từng người hy sinh tuổi trẻ, hy sinh mạng sống chống lại chế độ Taliban phi nhân, độc tài nhất của hậu bán thế kỷ. Anh nói anh đã tìm lại được những

gì anh đã đánh mất trong những năm dài đã qua: Anh sống lại cái tuổi trẻ dấn thân cho đại cuộc và quên mình cho đất nước. Cuối thư, anh Ali ước ao thư này đến tay tôi vào đúng ngày 30 tháng Tư để được chia xẻ với tôi nỗi buồn mất nước. Sau đó mỗi năm cứ đến ngày 30 tháng Tư qua đường bưu điện Hoa Kỳ tôi nhận được thư anh. Tôi hiểu anh Ali muốn nhắc hoài với tôi về một ngày oan nghiệt của lịch sử dân tộc tôi. Lá thư tháng Tư năm ngoái, năm 2001, còn có mấy dòng viết thêm của chị Faraya về việc quân Taliban thảm sát hàng ngàn người dân vô tội hồi tháng Giêng tại Yakaolang, và có lẽ biết tôi là người tin Phật nên chị cho biết việc Taliban hồi tháng Ba vừa qua đã dùng cả xe tăng, đại pháo kéo đến thắng tích Ghazni phá hủy hai pho tượng Phật lớn nhất và lâu đời nhất thế giới Bamiyan Buddhas, cao hơn năm mươi bộ, được khởi công từ thế kỷ thứ Hai đến thế kỷ thứ Năm mới hoàn thành. Như vậy là anh chị cùng chiến đấu bên nhau. Anh chị không nói gì về mình, nhưng tôi biết anh chị đang là người hạnh phúc. Sống và chiến đấu bên nhau cho một lý tưởng cao đẹp mà không gọi là hạnh phúc thì phải gọi bằng gì? Tôi không bao giờ có địa chỉ của anh Ali để có mấy lời thăm hỏi và chúc phúc. Tôi cũng không biết tên thật của anh là gì. Người bạn không tên từ những năm trước đã là dáng đứng đậm nét trên bến sông để minh hoạ cho nỗi bi thương oằn oại của người thất quốc. Mười mấy năm qua tôi đã nhìn anh Ali như một chấm than cô đơn buồn bã đậm nét giữa buổi chiều tà. Rồi cũng chính người bạn không tên đó giờ đây đang ngẩng cao đầu, đứng thẳng lưng trên đất nước mình mà từng phút, từng giây dành lại đất nước. Chính cái dấu than buồn bã ngày nào giờ đây cũng từng giây từng phút treo lửng lơ mạng sống của mình trên dòng sinh mệnh của đất nước. Người bạn tôi bây giờ không còn mỗi chiều đứng trên một bến tàu xa lạ mà gởi từng miếng tâm sự về cố quốc. Trên đầu anh bây giờ là vùng trời quê hương bát ngát. Dưới chân anh là đất đá quê nhà. Bên cạnh anh là những bạn chiến đấu. Càng mừng cho anh tôi càng hổ cho mình! Quanh tôi vẫn là những chiếc tàu cao to vô hồn, ơ hờ nhả khói và những toa xe lầm lì đen kệch trên một bến sông tôi trông thấy hàng ngày từ hơn hai mươi năm nay mà vẫn là dòng sông lạ, không phải là dòng sông quạch đỏ phù sa của quê tôi, không bao giờ!

Trong lúc tôi đang chờ lá thư tháng Tư năm nay thì đất nước của anh Ali và chị Faraya có quá nhiều biến động khởi đầu từ cái ngày 11 tháng 9. Tôi theo dõi tin tức hàng ngày. Ngày 7 tháng 10 Hoa Kỳ đổ quân và chiến cụ tối tân vào Afghanistan, rồi sau đó 9 tuần quân Taliban tan rã và một chánh quyền lâm thời được hình thành từ Bonn. Giữa bao nhiêu biến động đó anh Ali và chị Faraya của tôi ra sao, tôi thật nóng lòng. Tôi biết thời gian nầy anh Ali bận rộn lắm nhưng tôi mong anh Ali phá lệ bằng cách gởi cho tôi lá thư trước ngày 30 tháng Tư, khác với thông lệ hàng năm. Tôi tìm trên báo chí, trên các websites…để hy vọng thấy mặt anh Ali trong bức ảnh nào đó. Có rất nhiều ảnh chụp đoàn quân Bắc phương rầm rập kéo về Fayzabad, vượt qua Charikar, rồi Mazar-e-Shariff, và ăn mừng chiến thắng tại Kabul. Tôi vẫn không gặp người chiến sĩ tên Ali trong đoàn quân chiến thắng!

Đất nước của anh Ali đã hồi sinh, đã hoàn toàn đổi mới. Những tấm vải thâm che mặt của người phụ nữ Afghanistan đã được gỡ xuống, như toàn dân Afghanistan cởi bỏ giai đoạn thâm u của lịch sử nước họ.

Còn cái thâm u của lịch sử nước tôi thì sao? Đã 27 lần Tháng Tư rồi! Còn bao nhiêu lần nữa?

Khi tôi viết những dòng nầy thì ngày 30 tháng Tư năm nay đã trôi qua hơn nửa năm rồi. Tôi vẫn chưa nhận được chữ nào của anh Ali hay của chị Faraya. Bao nhiêu hình ảnh mà tôi thấy trên báo chí, trên internet vẫn thiếu người bạn một thuở cùng tôi đứng trên bến tàu nhìn về đất nước. Tôi chỉ biết cầu trời đem đến an lành và bình yên cho một đất nước mà tôi chỉ thấy trên bản đồ và cho người bạn tới giờ nầy tôi vẫn không biết tên và cho người phụ nữ anh hùng của dân tộc Afghanistan mà tôi chưa hề biết mặt.

Trần Bang Thạch

-tháng 5-2002 / viết lại tháng 9-2021 nhân có nhiều sự kiện mới về Afghanistan-